

|            |            |         |         |
|------------|------------|---------|---------|
| Ngày       | 20,300 VNĐ |         |         |
| 31/03/2024 |            |         |         |
| Thay đổi   | 1 tháng    | 3 tháng | 6 tháng |
|            | 3.6%       | 18.7%   | 4.1%    |

|                       |                 |
|-----------------------|-----------------|
| Sàn giao dịch         | UPCOM           |
| Khoảng giá 52 tuần    | 11,841 - 20,900 |
| Vốn hóa (tỷ VNĐ)      | 4,391           |
| Số lượng CPLH (CP)    | 216,294,961     |
| KLGD BQ 20 phiên (CP) | 70,865          |
| Sở hữu nước ngoài     | 0.0%            |
| Beta                  | 1.84            |
| EPS                   | 1,478           |
| P/E                   | 13.7            |

DT thuần

Q1/24

261

tỷ VNĐ

QoQ: ▼8.00| -3.0%

YoY: ▲43.0| 19.7%

LN trước thuế

Q1/24

63.0

tỷ VNĐ

QoQ: ▼16.0| -20.3%

YoY: ▲31.6| 101%

LN sau thuế

Q1/24

49.6

tỷ VNĐ

QoQ: ▼19.3| -28.0%

YoY: ▲25.8| 108%

ROA

2023

5.5%

+/- YoY: ▲1.8%

DT thuần

2023

942

tỷ VNĐ

YoY: ▼170| -15.3%

LN trước thuế

2023

363

tỷ VNĐ

YoY: ▲122| 50.6%

LN sau thuế

2023

298

tỷ VNĐ

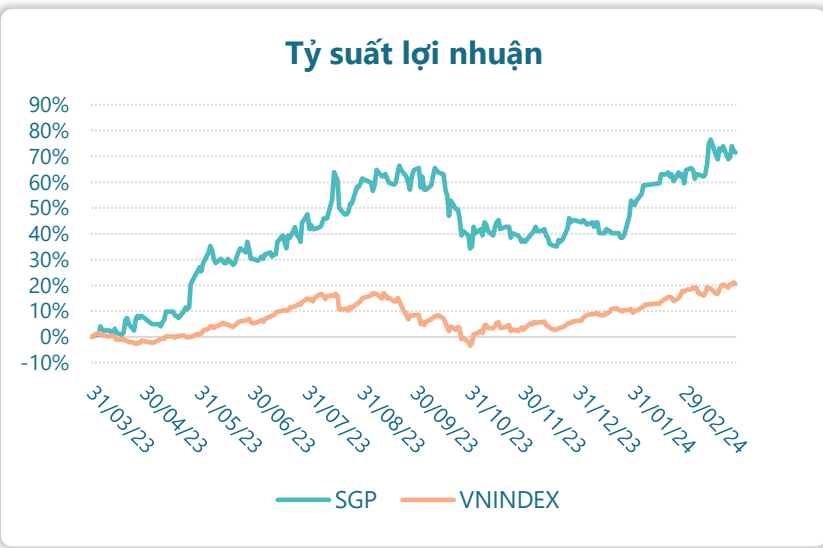
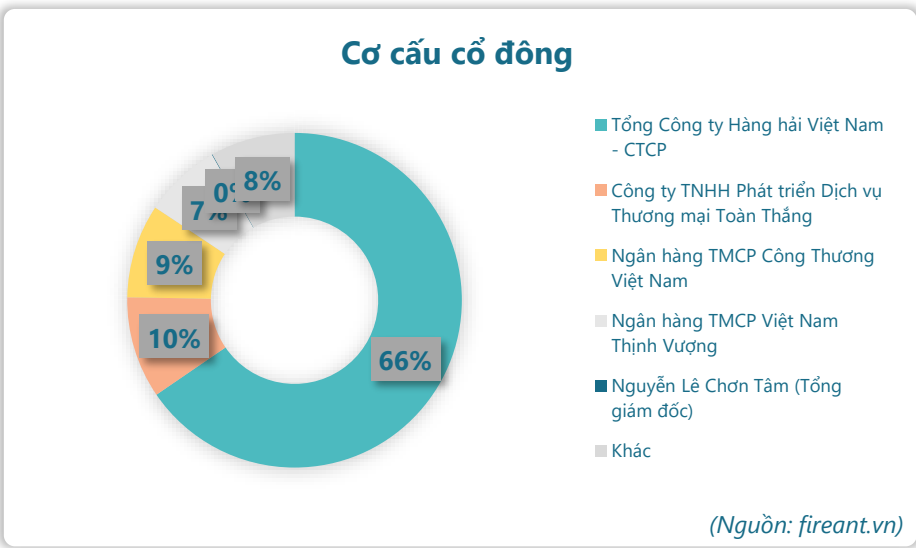
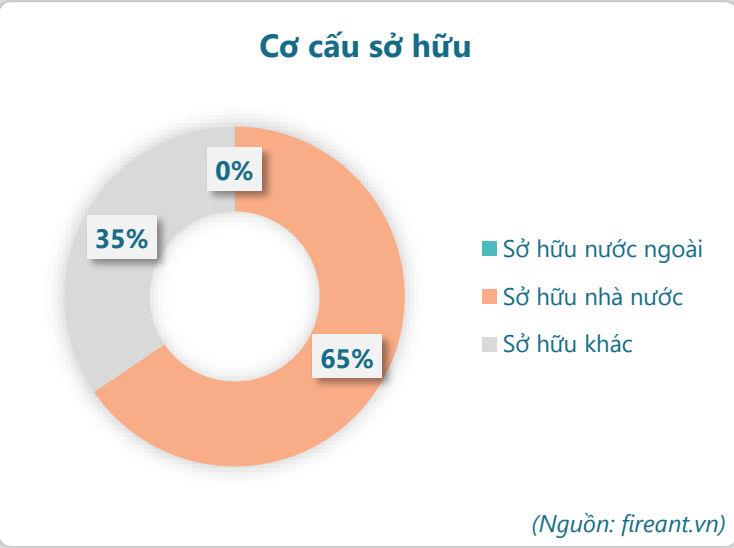
YoY: ▲94.0| 46.3%

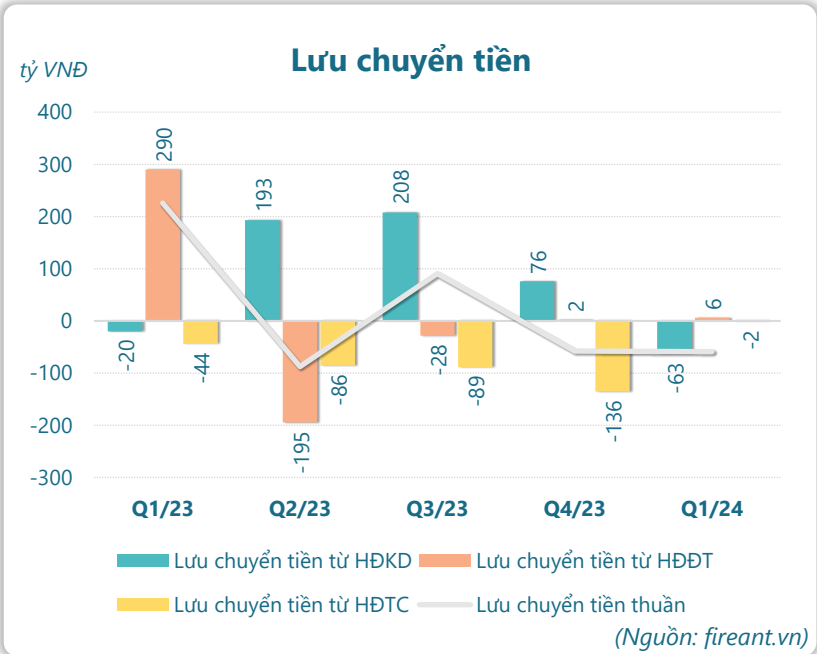
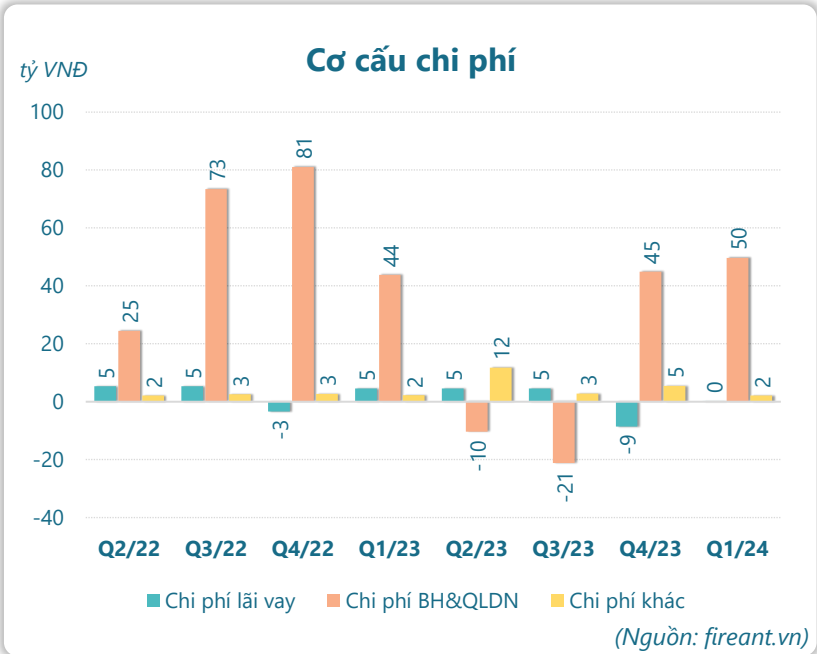
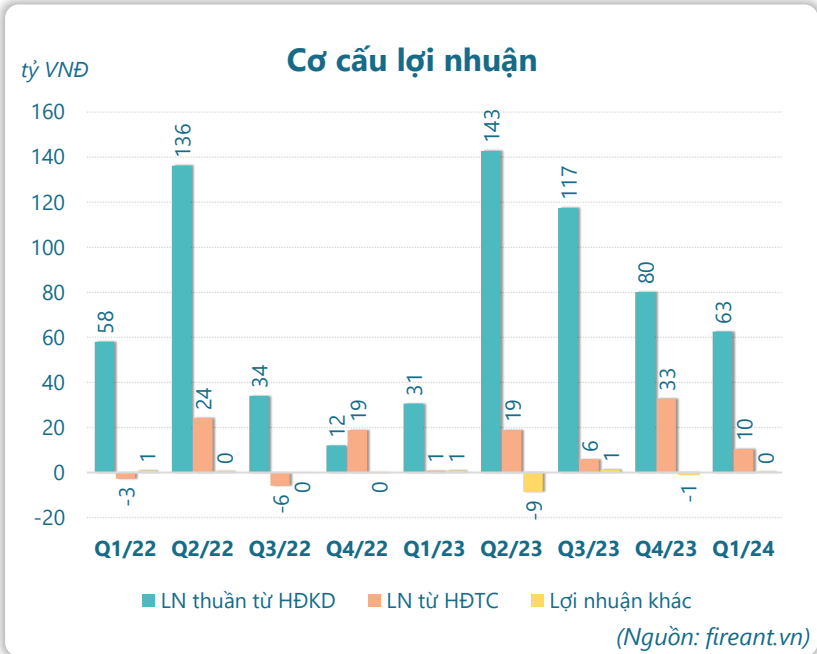
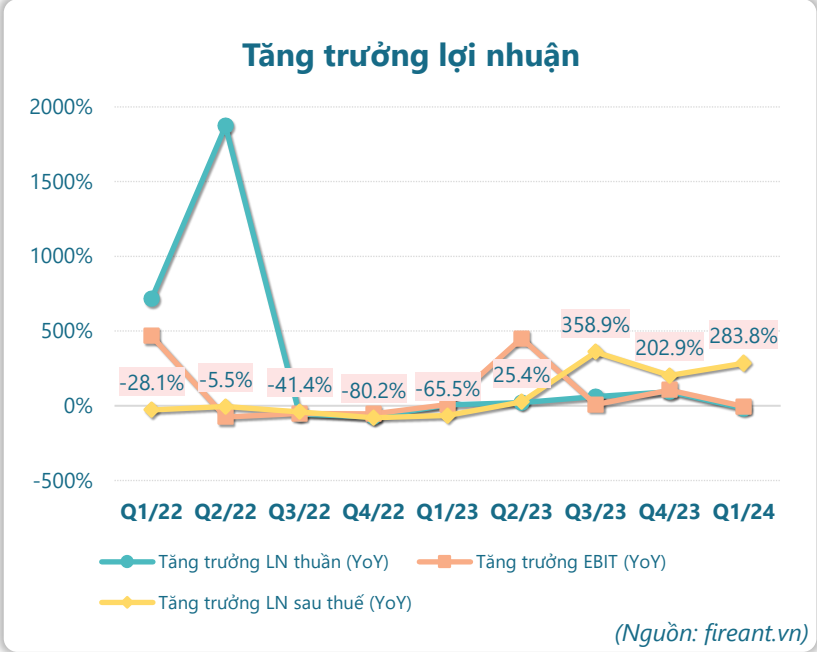
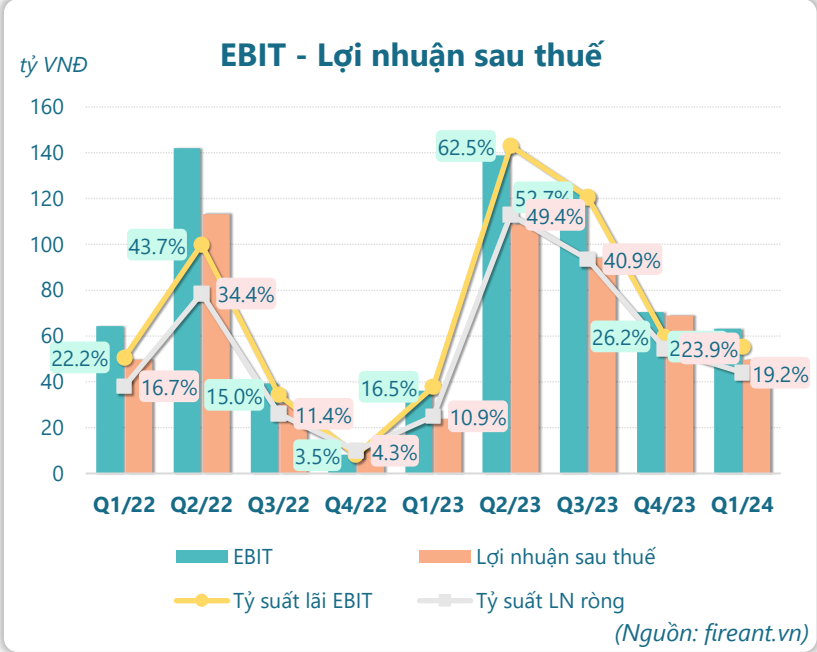
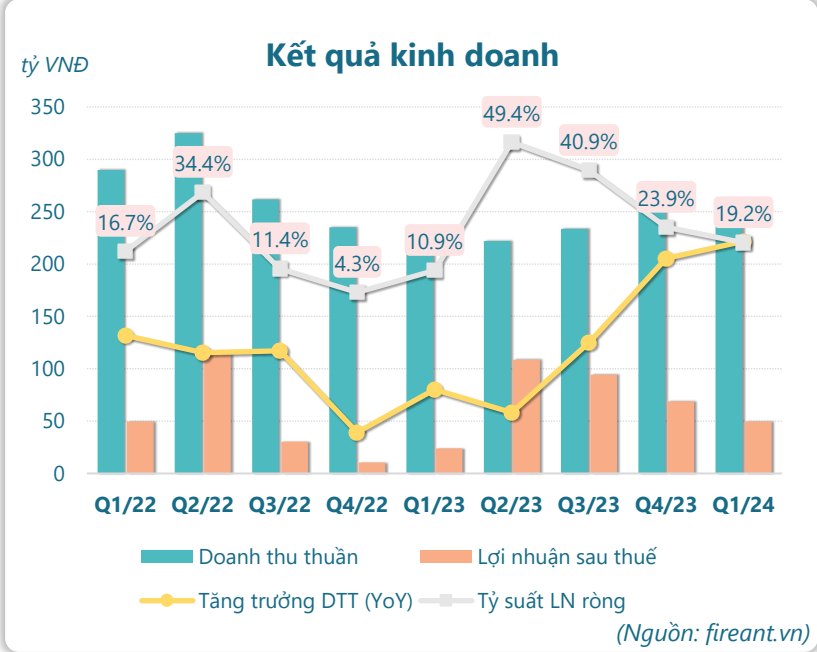
ROE

2023

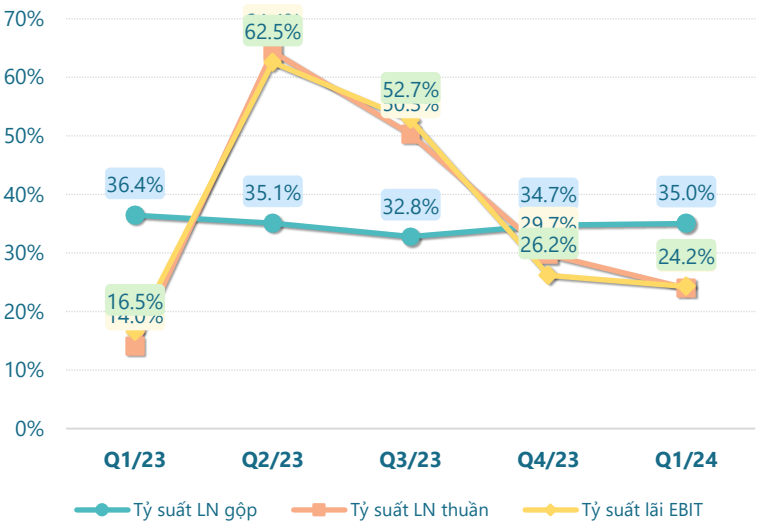
10.7%

+/- YoY: ▲3.1%



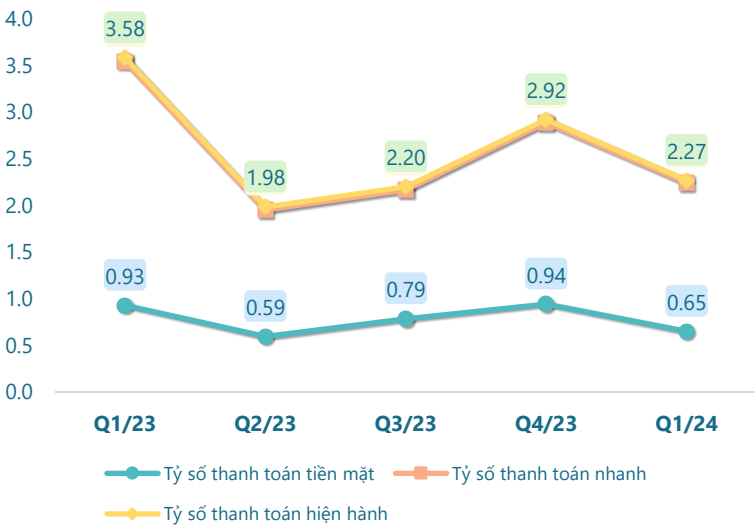


Tỷ suất lợi nhuận



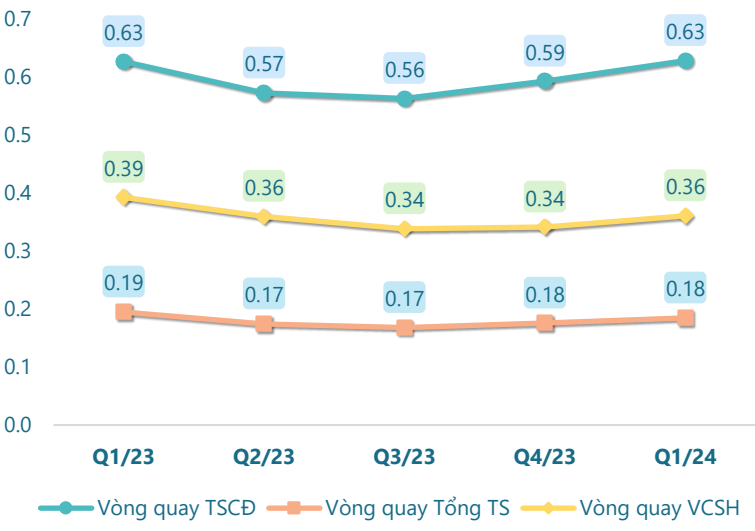
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



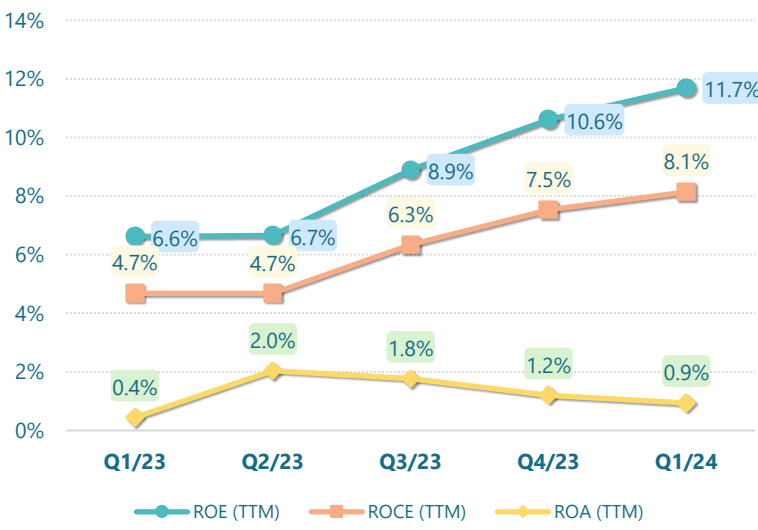
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



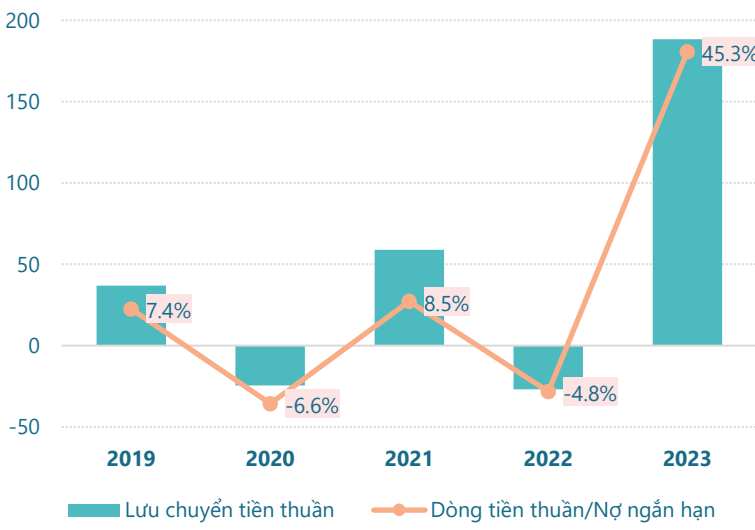
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



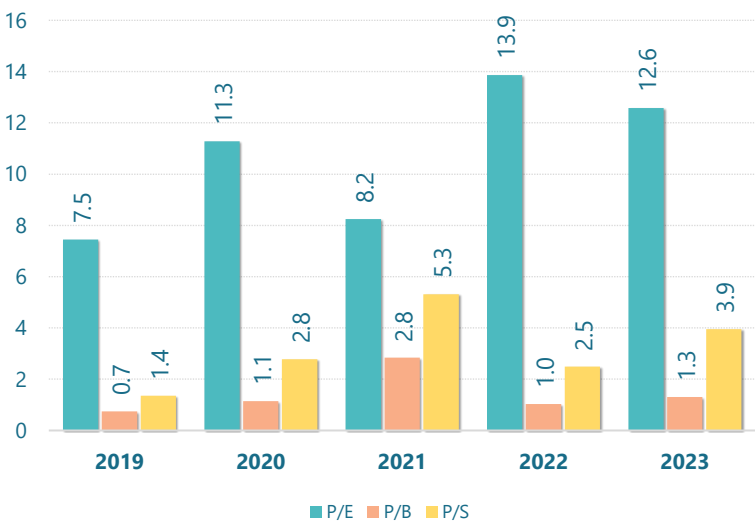
(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

Nhóm chỉ số định giá



(Nguồn: fireant.vn)